| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIA LÂM**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 60/2024/QĐST - DS | *Gia Lâm, ngày 20 tháng 5 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**I.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP VNTV (Viết tắt Ngân hàng VPB); địa chỉ trụ sở: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L - chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Ông Phạm T.A - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Ông Đỗ Thành Tr – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

*(Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN – CTQT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPB)*

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Cao Duy Th – chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ - Phòng XLN tố tụng KHCNMB

Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Huyền D - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ -VPB

*(Văn bản ủy quyền số 28081/2023/UQN-LLC–TTKHCNMB ngày 28/8/2023 của Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý)*

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 7, tòa nhà VH, số 78 DVH, quận CG, TP Hà Nội.

**Bị đơn:** Ông Dương Mạnh Đ, sinh năm 1992; bà Lường Thị S, sinh năm 1993; HKTT: Thôn TK, xã PT, huyện GL, TP Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: .

1/ Cháu Dương Thanh Th, sinh 10/11/2010 (con ông Đ, bà S).

2/ Cháu Dương Thanh H, sinh 04/5/2015 (con ông Đ, bà S).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th, cháu H là bố mẹ đẻ: Ông Dương Mạnh Đ, sinh năm 1992; bà Lường Thị S, sinh năm 1993; HKTT: Thôn TK, xã PT, huyện GL, TP Hà Nội.

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Các hợp đồng cho vay: Ngân hàng TMCP VNTV và ông Dương Mạnh Đ và bà Lường Thị S đã ký các hợp đồng tín dụng :

-Hợp đồng tín dụng số LN1806210748360 (LD1817801852) ngày 27/06/2018: Số tiền cho vay: 230,000,000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 96 tháng. Mục đích: vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 9,6%/ năm, lãi suất cố định đến ngày điều chỉnh đầu tiên 27/12/2018, điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/01/2019. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần, + biên độ 4,2%.

- Hợp đồng cho vay số LD1919301016 ngày 12/07/2019: Số tiền cho vay: 19,000,000 đồng (Mười chín triệu đồng). Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày 12/7/2019 VPB giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng đến ngày 15/06/2022. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 22%/ năm, lãi suất cố định đến ngày

điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/01/2020, điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/04/2020. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần, + biên độ 14%.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/11/2018. Số tiền cho vay: 4,000,000 đồng (Bốn triệu đồng).Mục đích vay: Tiêu dùng. Lãi suất cho vay được tính theo quy định của VPB theo từng thời kỳ.

2. Tải sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92(3), tờ bản đồ số 31, diện tích 103,9 m2 ( trong đó diện tích sử dụng riêng 71,4 m2 và diện tích sử dụng chung là 32,5 m2), có địa chỉ tại: Thôn LQB, xã KS, huyện GL, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 155365, số vào số cấp GCN: 0062; số QD:475/QĐ-UB; MS: 5621964 do UBND huyện GL, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2008.

3. Tạm tính đến ngày 10/5/2024 ông Dương Mạnh Đ và bà chị Lường Thị S còn nợ Ngân hàng TMCP VNTV số tiền là: 217.067.183 đồng (trong đó nợ gốc là: 138.622.938 đồng, lãi phải trả: 73.049.204 đồng, lãi chậm trả lãi là: 5.395.041 đồng). Cụ thể:

| STT | Số HĐTD | Ngày vay | Gốc phải trả | Lãi phải trả | Lãi chậm trả lãi | Tổng lãi + chậm trả lãi | Tổng gốc + Lãi + Lãi chậm trả lãi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 215 – P - 8896574 | 02/11/2018 | 6.242.907 | 24.722.002 | | 24.722.002 | 30.986.909 |
| 2 | LD 1817801852 | 26/6/2018 | 127.558.223 | 44.343.541 | 4.864.515 | 49.208.057 | 176.766.279 |
| 3 | LD 1919301016 | 12/7/2019 | 4.821.808 | 3.983.661 | 530.526 | 4.514.187 | 9.335.995 |
| | | | 138.622.938 | 73.049.204 | 5.395.041 | 78.444.245 | 217.067.183 |

Các bên thống nhất thỏa thuận phương án thanh toán được chia kỳ như sau: Chia làm 6 đợt ông Đ, bà S thanh toán cho VPB:

Đợt 1: Từ khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến ngày 19/6/2024 ông Đ, bà S phải thanh toán khoản tiền trả VPB 10.000.000đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay

Đợt 2: Từ ngày 20/6/2024 đến ngày 20/7/2024 ông Đ, bà S phải thanh toán khoản tiền trả VPB 10.000.000đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay

Đợt 3: Từ ngày 21/7/2024 đến ngày 20/8/2024 ông Đ, bà S phải thanh toán khoản tiền trả VPB 20.000.000đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay

Đợt 4: Từ ngày 21/8/2024 đến ngày 20/9/2024 ông Đ, bà S phải thanh toán khoản tiền trả VPB 20.000.000đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay

Đợt 5: Từ ngày 21/9/2024 đến ngày 20/10/2024 ông Đ, bà S phải thanh toán khoản tiền trả VPB 20.000.000đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay

Đợt 6: Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 20/11/2024 ông Đ, bà S phải thanh toán trả VPB toàn bộ số nợ gốc còn lại và toàn bộ lãi, phí phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại các Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số LN1806210748360 (LD1817801852) ngày 27/06/2018; Hợp đồng cho vay số LD1919301016 ngày 12/07/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/11/2018. Mức lãi suất theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử đã ký kết giữa các bên.

4. Nếu ông Dương Mạnh Đ bà Lường Thị S vi phạm bất cứ một kỳ trả nợ nào cho VPB, thì VPB có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VPB, cụ thể như sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thừa đất số 92(3), tờ bản đồ số 31, diện tích sử dụng riêng 71,4 m2, phần lối đi thuộc phần diện tích sử dụng chung 32,5 m2 có địa chỉ tại: Thôn LQB, xã KS, huyện GL, thành phố Hà Nội. Người nào được quyền sử dụng phần đất diện tích 71,4 m2 thì tiếp tục được cùng sử dụng chung phần diện tích đất 32,5 m2 (ngõ đi chung) tại thôn LQB, xã KS, huyện GL, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 155365, số vào số cấp GCN: 0062; số QĐ:475/QĐ-UB: MS: 5621964 do UBND huyện GL, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2008.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Dương Mạnh Đ và bà Lường Thị S phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho VPB.

5.Về án phí DSST: Ông Dương Mạnh Đ và bà Lường Thị S phải chịu toàn bộ án phí DSST 5.427.000đồng ( làm tròn số).

Trả lại Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí 5.0757.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền Ký hiệu BLTU/23 số 0003928 ngày 16/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện GL thành phố Hà Nội.

**7.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**8.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**